

Số: **128** /TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày **07** tháng 12 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Trong những năm qua, cùng với hệ thống chính sách của Trung ương, Tỉnh Thanh Hóa đã ban hành một số cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp và nông thôn trên địa bàn tỉnh, nhờ đó, đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư, nâng cấp, bộ mặt nông thôn được khởi sắc; đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn từng bước được nâng lên, an sinh xã hội ngày càng được đảm bảo. Tuy nhiên, mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nông nghiệp vẫn còn thấp; các cơ chế, chính sách của tỉnh có hiệu lực đến hết năm 2015 và chỉ mới hỗ trợ chủ yếu phát triển trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Tái cơ cấu nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020, như sau:

I. NỘI DUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Hỗ trợ xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao tại các xã miền núi

1.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

- Các xã thuộc huyện miền núi và các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng có diện tích đất 2 vụ lúa tập trung từ 50 ha trở lên.

- Có quy hoạch sản xuất ổn định, không nằm trong quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, đô thị.

- Có năng suất lúa bình quân 3 năm gần nhất đạt từ 55 tạ/ha ở vụ Xuân và 50 tạ/ha ở vụ Mùa trở lên.

- Là những địa phương có truyền thống, tích cực chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp; nông dân có trình độ thâm canh khá; cấp uỷ, chính quyền có kinh nghiệm và có quyết tâm trong chỉ đạo điều hành sản xuất lúa.

- Có đăng ký xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

1.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương nội đồng:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đối với kênh mương được hỗ trợ:
- + Có năng lực tưới từ 20 ha trở lên.
- + Mặt cắt thiết kế chữ nhật có $b = 0,35 \div 0,6$ m, $h = 0,4 \div 0,6$ m.
- + Kết cấu: Đáy bê tông, 2 thành bên xây gạch trát vữa xi măng 2 mặt hoặc đổ bê tông.
- Mức hỗ trợ: 200 triệu đồng/km.

Khi giá vật liệu (gạch, xi măng, đá, cát) tăng, giảm trên 20%; giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành liên quan báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh mức hỗ trợ cho phù hợp.

b) Hỗ trợ kiên cố hóa giao thông nội đồng:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đối với đường giao thông nội đồng được hỗ trợ:

- + Chiều rộng nền đường 3 - 5 m.
- + Chiều rộng mặt đường 2,5 - 3,0 m.
- + Kết cấu mặt đường: Đổ bê tông mác 200, dày 0,15 m.

- Mức hỗ trợ: Cứ 01 ha vùng thâm canh lúa được hỗ trợ kinh phí để kiên cố hoá 0,02 km đường giao thông nội đồng; cứ 01 km đường giao thông nội đồng kiên cố hoá, mức hỗ trợ 200 triệu đồng.

Khi giá vật liệu (gạch, xi măng, đá, cát) tăng, giảm trên 20%; giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành liên quan báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh mức hỗ trợ cho phù hợp.

c) Hỗ trợ mua máy cấy:

- Nội dung hỗ trợ: Quy mô sản xuất cứ 25 ha được hỗ trợ 01 máy cấy có công suất tối thiểu 0,2 ha/giờ; chủ sở hữu máy có trách nhiệm ký cam kết với UBND xã về thời gian phục vụ trên địa bàn xã tối thiểu là 05 năm, sau đó nếu có nhu cầu mới được chuyển nhượng ra khỏi địa bàn xã. Nếu không thực hiện cam kết nói trên, chủ sở hữu máy phải bồi hoàn lại toàn bộ kinh phí Nhà nước đã hỗ trợ.

- Mức hỗ trợ: Bằng 30% giá mua máy ghi trên hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (bao gồm cả thuế VAT), nhưng tối đa không quá 120 triệu đồng/máy.

d) Hỗ trợ mua máy thu hoạch lúa:

- Nội dung hỗ trợ: Quy mô sản xuất cứ 40 ha được hỗ trợ 01 máy thu hoạch có công suất từ 0,3 ha/giờ trở lên; chủ sở hữu máy có trách nhiệm ký cam kết với UBND xã về thời gian phục vụ trên địa bàn xã tối thiểu là 05 năm, sau đó nếu có nhu cầu mới được chuyển nhượng ra khỏi địa bàn xã. Nếu không thực

hiện cam kết nói trên, chủ sở hữu máy phải bồi hoàn lại toàn bộ kinh phí Nhà nước đã hỗ trợ.

- Mức hỗ trợ: Bằng 20% giá mua máy ghi trên hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (bao gồm cả thuế VAT), nhưng không quá 150 triệu đồng/máy.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung

2.1. Đối với sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh:

2.1.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

- Đối tượng hỗ trợ: Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân sản xuất rau an toàn quy mô từ 3 ha tập trung trở lên đối với vùng đồng bằng, ven biển hoặc 2 ha tập trung trở lên đối với vùng miền núi, nằm trong quy hoạch sản xuất rau an toàn tập trung của tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Có dự án đầu tư phát triển rau an toàn và cam kết tiến độ triển khai dự án được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chấp thuận.

+ Hạ tầng đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất rau an toàn.

+ Đã được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

+ Có hợp đồng hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất.

+ Có hợp đồng kiểm soát chất lượng với Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa hoặc đơn vị khác có đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước.

+ Đã tổ chức sản xuất rau an toàn sau 2 vụ và không vi phạm các quy định về chất lượng rau.

2.1.2. Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần:

+ Kinh phí xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện, xử lý chất thải) của vùng sản xuất tập trung; nhà sơ chế, đóng gói sản phẩm rau an toàn để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP. Mức hỗ trợ 170 triệu đồng/ha đối với vùng đồng bằng, ven biển; 200 triệu đồng/ha đối với vùng miền núi.

+ Kinh phí thuê chứng nhận VietGAP cho rau an toàn: 7 triệu đồng/ha.

+ Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đã được chứng nhận VietGAP.

- Hỗ trợ hàng năm:

+ Kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem. Mức hỗ trợ: 16 triệu đồng/ha/năm đối với vùng đồng bằng, ven biển; 18 triệu đồng/ha/năm đối với vùng miền núi.

+ Thời điểm hỗ trợ: Vào tháng 12 hàng năm.

2.2. Đối với sản xuất rau an toàn trong nhà lưới:

2.2.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

- Đối tượng hỗ trợ: Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân đầu tư nhà lưới sản xuất rau an toàn; quy mô nhà lưới từ 1.000 m² trở lên (tối thiểu phải sử dụng: cột bê tông cốt thép có kích thước 0,15m x 0,15m x 3,2m làm móng cột; che mưa, che nắng và vây xung quanh bằng lưới mùn 16 lỗ/cm²; giằng dọc mái bằng thép 4 ly; giằng ngang mái bằng thép 2 ly); nằm trong quy hoạch sản xuất rau an toàn tập trung của tỉnh (cả trong và ngoài vùng tập trung chuyên canh).

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Có dự án đầu tư phát triển rau an toàn và cam kết tiến độ triển khai dự án được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chấp thuận.

+ Có trang bị hệ thống tưới (gồm: máy bơm, dây dẫn, vòi phun...) và hệ thống điện phục vụ sản xuất trong nhà lưới.

+ Đã được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

+ Có hợp đồng hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất.

+ Có hợp đồng kiểm soát chất lượng với Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa hoặc đơn vị khác có đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước.

+ Đã tổ chức sản xuất rau an toàn sau 2 vụ và không vi phạm các quy định về chất lượng rau.

2.2.2. Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư, xây dựng nhà lưới phục vụ sản xuất rau an toàn.

- Mức hỗ trợ: 50.000 đồng/m².

- Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đã sản xuất 2 vụ và được chứng nhận VietGAP.

2.3. Đối với tiêu thụ sản phẩm rau an toàn:

2.3.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

- Đối tượng hỗ trợ: Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, tiêu thụ rau an toàn tại cửa hàng với diện tích tối thiểu 20 m²/cửa hàng, kinh doanh rau an toàn thường xuyên.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Tự sản xuất rau an toàn hoặc có hợp đồng thu mua sản phẩm rau an toàn ổn định với cơ sở sản xuất rau an toàn trong thời gian từ 2 năm trở lên.

+ Có hợp đồng thuê cửa hàng, quầy hàng ổn định từ 2 năm trở lên hoặc có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cửa hàng.

+ Có sản lượng tiêu thụ rau an toàn bình quân đạt 50 kg/ngày trở lên.

+ Có đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn cửa hàng, quầy hàng kinh doanh rau an toàn theo đúng quy định.

2.3.2. Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh rau an toàn với diện tích tối thiểu 20m²/cửa hàng.

- Mức hỗ trợ:

+ Đối với các cửa hàng kinh doanh rau an toàn đặt tại các phường thuộc thị xã, thành phố: 50 triệu đồng/cửa hàng chia làm 2 lần, năm thứ nhất hỗ trợ 25 triệu đồng, năm thứ hai hỗ trợ 25 triệu đồng.

+ Đối với các cửa hàng kinh doanh rau an toàn đặt tại các xã, thị trấn còn lại: 30 triệu đồng/cửa hàng chia làm 2 lần, năm thứ nhất hỗ trợ 15 triệu đồng, năm thứ hai hỗ trợ 15 triệu đồng.

- Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đầu tư xong cửa hàng, quầy hàng kinh doanh và đi vào kinh doanh rau an toàn ổn định tối thiểu 3 tháng đối với năm đầu tiên và 12 tháng đối với năm thứ 2.

3. Hỗ trợ mua máy thu hoạch mía và hệ thống tưới mía mặt ruộng

3.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân sản xuất mía thâm canh, phục vụ nguyên liệu cho các nhà máy mía đường trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Diện tích sản xuất mía tập trung từ 50 ha trở lên, nằm trong vùng quy hoạch mía nguyên liệu được UBND tỉnh phê duyệt.

- Năng suất mía 2 năm liền kề trước đó phải đạt ít nhất từ 65 tấn/ha/năm trở lên, chữ đường đạt từ 10 CCS trở lên.

- Vùng sản xuất phải chủ động nước tưới và nguồn giống đảm bảo tiêu chuẩn.

- Có đăng ký sản xuất mía đạt năng suất từ 100 tấn/ha/năm trở lên, kèm theo Phương án hoặc dự án đầu tư; cam kết đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm, mua máy thu hoạch mía.

3.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí mua máy thu hoạch mía:

+ Nội dung hỗ trợ: Quy mô sản xuất cứ 50 ha được hỗ trợ 01 máy thu hoạch (máy mới) có công suất thu hoạch 120 tấn/ngày trở lên; chủ sở hữu máy có trách nhiệm ký cam kết với UBND huyện về thời gian phục vụ trên địa bàn huyện tối thiểu là 05 năm, sau đó nếu có nhu cầu mới được chuyển nhượng ra khỏi địa bàn huyện. Nếu không thực hiện cam kết nói trên, chủ sở hữu máy phải bồi hoàn lại toàn bộ kinh phí Nhà nước đã hỗ trợ.

+ Mức hỗ trợ: Bằng 20% giá mua máy ghi trên hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (bao gồm cả thuế VAT), nhưng không quá 1.500 triệu đồng/máy.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống tưới mía mặt ruộng:

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần kinh phí xây dựng các bể đựng nước (để bơm chuyển từ nguồn nước đầu ruộng vào các lô mía) để tưới trên mặt ruộng; mua dây, khóa, van lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt trên mặt ruộng; mua máy bơm phục vụ tưới mía. Hỗ trợ sau khi xây dựng hệ thống tưới theo đúng phương án hoặc dự án đã được UBND huyện chấp thuận và được cấp có thẩm quyền nghiệm thu.

+ Mức hỗ trợ: 15 triệu đồng/ha.

4. Hỗ trợ phát triển vùng luồng thâm canh

4.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Các xã thuộc quy hoạch vùng luồng thâm canh tập trung của tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 23/02/2012.

- Hỗ trợ chủ rừng luồng: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân tham gia thâm canh rừng luồng.

- Hỗ trợ làm đường: Các xã trong vùng luồng thâm canh có diện tích từ 200 ha trở lên.

4.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

4.2.1. Hỗ trợ thâm canh rừng luồng:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ phân bón vào năm thứ nhất và năm thứ hai thực hiện thâm canh rừng luồng.

- Mức hỗ trợ: 2 triệu đồng/ha/năm.

4.2.2. Hỗ trợ các xã nâng cấp đường lâm nghiệp:

- Nội dung hỗ trợ: Cứ 200 ha rừng luồng được hỗ trợ 01 km đường lâm nghiệp cấp IV theo tiêu chuẩn TCVN 7025: 2002, nền đường rộng 4,5 m. Ngân sách tỉnh không hỗ trợ kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, kinh phí kiểm tra, giám sát cộng đồng và kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng.

- Mức hỗ trợ: 230 triệu đồng/km.

5. Hỗ trợ sản xuất tập trung quy mô lớn

5.1. Hỗ trợ kinh phí thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân:

5.1.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân có dự án đầu tư thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh để sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn khi dự án có đủ các điều kiện sau:

- Dự án được UBND tỉnh hoặc UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Dự án cam kết đầu tư sản xuất tối thiểu 5 năm; có trụ sở hoặc chi nhánh được cấp giấy phép đăng ký sản xuất kinh doanh tại Thanh Hóa. Nếu dự án hoạt động dưới 5 năm sẽ bị thu hồi toàn bộ vốn đã hỗ trợ.

- Trong cùng một thời gian, nếu tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

- Nhà đầu tư phải có hợp đồng thuê đất với hộ gia đình, cá nhân có xác nhận của UBND xã. Diện tích đất, mặt nước được hỗ trợ kinh phí thuê là số diện tích thực tế được đưa vào sản xuất, không bao gồm diện tích mà các cá nhân đã góp quyền sử dụng đất với các tổ chức.

- Các dự án phải đạt quy mô tập trung tối thiểu về diện tích như sau:

+ Sản xuất lúa, ngô, mía (giống sản xuất phải nằm trong cơ cấu giống của tỉnh): 100 ha canh tác.

+ Sản xuất ngô dày, cỏ làm thức ăn gia súc: 50 ha canh tác.

+ Sản xuất lúa đặc sản: 30 ha canh tác.

+ Sản xuất mía (giống sản xuất phải nằm trong cơ cấu giống của tỉnh): 100 ha.

+ Cây ăn quả (cam, bưởi): 20 ha.

+ Tôm he chân trắng thâm canh: 10 ha.

+ Cá rô phi thâm canh gắn với chế biến xuất khẩu: 10 ha.

- Các sản phẩm phải được sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc các tiêu chuẩn khác tương đương.

5.1.2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thuê đất hoặc thuê mặt nước 5 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ kinh phí thuê đất 3 triệu đồng/ha/năm để sản xuất: Lúa, lúa đặc sản, ngô, mía, ngô dày và cỏ làm thức ăn gia súc và cây ăn quả (cam, bưởi).

- Hỗ trợ kinh phí thuê mặt nước 4 triệu đồng/ha/năm để nuôi cá rô phi thâm canh gắn với chế biến xuất khẩu.

- Hỗ trợ kinh phí thuê mặt nước 6 triệu đồng/ha/năm để nuôi tôm he chân trắng thâm canh.

5.2. Hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn

5.2.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ UBND xã (Chủ đầu tư) xây dựng hạ tầng đến chân hàng rào khu trang trại chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã đã được quy hoạch trong quy hoạch xã nông thôn mới; đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Mỗi khu đã có ít nhất từ 04 trang trại chăn nuôi quy mô lớn trở lên.

- Số lượng đàn gia súc, gia cầm của mỗi trang trại phải cam kết thường xuyên đảm bảo quy mô, đối tượng nuôi như sau:

+ Trang trại bò: 300 con trở lên.

+ Trang trại lợn ngoại hướng nạc: 200 lợn nái ngoại sinh sản trở lên hoặc 100 lợn nái ngoại sinh sản và 500 lợn ngoại nuôi thịt trở lên.

+ Trang trại gà lông màu: 20.000 gà lông màu nuôi thịt trở lên hoặc 10.000 gà lông màu nuôi sinh sản trở lên hoặc 10.000 gà lông màu nuôi thịt và 5.000 gà lông màu sinh sản trở lên.

- Các trang trại chăn nuôi an toàn theo tiêu chuẩn VietGAHP.

5.2.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ UBND xã xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào, gồm: đường giao thông, đường điện, hệ thống cấp nước đến chân hàng rào cho khu trang trại chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã.

- Mức hỗ trợ: 100% kinh phí xây dựng, nhưng không quá 3.000 triệu đồng/khu đối với miền xuôi và 3.500 triệu đồng/khu đối với miền núi.

6. Hỗ trợ liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm trồng trọt

6.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với hộ gia đình, cá nhân để sản xuất và bao tiêu sản phẩm các cây trồng: Khoai tây, ngô ngọt, ngô bao tử, dưa bao tử, dưa xuất khẩu, ớt xuất khẩu, cà chua, hành, tỏi, rau màu, ngô dày và cỏ các loại làm thức ăn chăn nuôi bò sữa, bò thịt trên đất hai lúa và lúa màu đảm bảo các điều kiện sau:

- Quy mô sản xuất:

+ Các loại cây ngô ngọt, ngô bao tử, dưa bao tử, dưa xuất khẩu, ớt xuất khẩu: 10 ha liền vùng, liền thửa trở lên.

+ Các loại cây cà chua, bí xanh, khoai tây, hành, tỏi, rau màu, ngô dày và cỏ các loại làm thức ăn chăn nuôi bò sữa, bò thịt: 05 ha liền vùng, liền thửa trở lên.

- Hình thức tổ chức sản xuất: Phải có hợp đồng liên kết sản xuất hoặc hợp đồng bao tiêu sản phẩm giữa hộ gia đình, cá nhân với hợp tác xã hoặc doanh nghiệp.

- Không hỗ trợ đối với diện tích đã hưởng chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn và chính sách phát triển sản xuất rau an toàn quy định tại mục 2, mục 5 Tờ trình này.

6.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

6.2.1. Hỗ trợ cơ sở sản xuất:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí mua giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ sản xuất khoai tây, cà chua, bí xanh, hành, tỏi, rau màu: 5 triệu đồng/ha canh tác/năm.

+ Hỗ trợ sản xuất ngô ngọt, ngô bao tử, dưa bao tử, dưa xuất khẩu, ớt xuất khẩu: 3 triệu đồng/ha canh tác/năm.

+ Hỗ trợ sản xuất ngô dày và cỏ các loại làm thức ăn chăn nuôi bò sữa, bò thịt: 2 triệu đồng/ha canh tác/năm.

6.2.2. *Hỗ trợ tổ chức, cá nhân làm đầu mối bảo quản, sơ chế, tiêu thụ:* Hỗ trợ 1,5 triệu đồng/ha canh tác/năm cho hợp tác xã, doanh nghiệp sơ chế, bảo quản nông sản, tìm kiếm kiếm thị trường tiêu thụ.

7. Hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các doanh nghiệp

7.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Doanh nghiệp có dự án đầu tư các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản; các cơ sở giết mổ tập trung; các cơ sở sản xuất giống tôm he chân trắng, cá rô phi đơn tính trên địa bàn tỉnh được bàn giao mặt bằng sạch để xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị, nhà kho, hệ thống bể (đối với cơ sở sản xuất giống tôm he chân trắng, cá rô phi đơn tính)..., đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Dự án được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư. Mặt bằng phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Dự án chế biến nông, lâm, thủy sản (nằm trong danh mục các sản phẩm chế biến kèm theo), có quy mô vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên, phải sử dụng tối thiểu 30% số lao động tại địa phương.

- Đối với cơ sở sản xuất giống tôm chân trắng có công suất từ 200 triệu P12/năm trở lên, đồng thời đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 02-15: 2009/BNNPTNT: Cơ sở sản xuất giống thủy sản - điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường.

- Đối với cơ sở sản xuất giống cá rô phi đơn tính có công suất từ 10 triệu con/năm trở lên (cá sau xử lý 21 ngày tuổi), đồng thời đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 02-15: 2009/BNNPTNT: Cơ sở sản xuất giống thủy sản - điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường.

- Đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm có công suất giết mổ một ngày đêm tối thiểu 150 con gia súc hoặc 1.500 con gia cầm hoặc 75 con gia súc và 750 con gia cầm, đồng thời đảm bảo yêu cầu về vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường.

7.2. *Nội dung hỗ trợ:* UBND tỉnh bố trí 100% kinh phí để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng sạch cho các doanh nghiệp để xây dựng cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản; các cơ sở giết mổ tập trung và các cơ sở sản xuất giống tôm he chân trắng, cá rô phi đơn tính trên địa bàn tỉnh (không hỗ trợ diện tích giải phóng mặt bằng ao ương, nhân giống).

II. NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Nhu cầu kinh phí hỗ trợ

Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2016-2020 là: 777.797 triệu đồng, trong đó: Năm 2016: 103.650 triệu đồng, năm 2017: 137.840 triệu đồng, năm 2018: 154.470 triệu đồng, năm 2019: 175.275 triệu đồng, năm 2020: 206.562 triệu đồng. Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
	Tổng cộng	103.650	137.840	154.470	175.275	206.562	777.797
1	Hỗ trợ xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao tại các xã miền núi	7.200	8.660	8.940	10.440	10.450	45.690
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	2.400	2.800	2.800	3.200	3.200	14.400
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	3.000	4.000	4.000	5.000	5.000	21.000
-	Mua máy cấy lúa	600	660	700	800	810	3.570
-	Mua máy thu hoạch lúa	1.200	1.200	1.440	1.440	1.440	6.720
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung	19.760	24.260	24.260	24.260	24.260	116.800
-	Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh	16.440	20.620	20.620	20.620	20.620	98.920
-	Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư, xây dựng nhà lưới	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	15.000
-	Tiêu thụ sản phẩm rau an toàn	320	640	640	640	640	2.880
3	Hỗ trợ mua máy thu hoạch và hệ thống tưới mía mặt ruộng	8.500	12.750	18.500	22.500	28.000	90.250
-	Mua máy thu hoạch mía	4.000	6.000	8.000	9.000	10.000	37.000
-	Hỗ trợ tưới mía	4.500	6.750	10.500	13.500	18.000	53.250
4	Hỗ trợ phát triển vùng luồng thâm canh	19.380	19.860	18.500	15.585	12.472	85.797
-	Hỗ trợ thâm canh rừng luồng	12.480	12.960	11.600	9.720	8.240	55.000
-	Hỗ trợ nâng cấp đường lâm nghiệp	6.900	6.900	6.900	5.865	4.232	30.797
5	Hỗ trợ sản xuất tập trung quy mô lớn	26.460	42.510	50.370	64.740	93.480	277.560
5.1	Hỗ trợ kinh phí thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân	2.460	6.510	14.370	28.740	57.480	109.560
5.2	Hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn	24.000	36.000	36.000	36.000	36.000	168.000
6	Hỗ trợ liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm	15.150	20.200	21.900	23.350	23.500	104.100
6.1	Hỗ trợ sản xuất	10.500	14.500	15.300	16.000	16.000	72.300
6.2	Hỗ trợ sơ chế, bảo quản, tìm kiếm thị trường tiêu thụ	4.650	5.700	6.600	7.350	7.500	31.800
7	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các doanh nghiệp	7.200	9.600	12.000	14.400	14.400	57.600

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế phân bổ hàng năm của ngân sách tỉnh.

3. Thời gian thực hiện: 5 năm, tính từ 01/01/2016 đến 31/12/2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cấp, các ngành

a) Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, hàng năm xây dựng kế hoạch số lượng và dự toán kinh phí, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch số lượng và kinh phí hỗ trợ cho từng huyện, thị xã, thành phố.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập tổ chức trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách nông nghiệp hàng năm. Tổ chức trực thuộc Sở được cấp kinh phí từ dự toán kinh phí thực hiện chính sách hàng năm.

- Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

b) Sở Tài chính:

- Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch số lượng và dự toán kinh phí của từng huyện, thị xã, thành phố, tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí; thông báo bổ sung dự toán có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai thực hiện; tổng hợp quyết toán chính sách trên địa bàn tỉnh; tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, các ngân hàng thương mại và các ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức, triển khai thực hiện chính sách.

d) UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm

- Căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh giao kế hoạch số lượng và kinh phí hỗ trợ hàng năm; UBND huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch được giao.

- Thực hiện tiếp nhận và quyết định chi trả tiền ngân sách hỗ trợ theo đúng nội dung cơ chế, chính sách; đúng đối tượng, tránh để thất thoát tiền vốn của nhà nước. Chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và PTNT. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ quyết toán và báo cáo tổng hợp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Có trách nhiệm phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn.

- Chỉ đạo các phòng, ban liên quan kiểm tra, cấp kinh phí và quyết toán kinh phí hàng năm, tổng hợp quyết toán, gửi báo cáo tổng hợp về Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và PTNT.

đ) Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Thanh Hóa, các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng để các địa phương, đơn vị, nhân dân biết, tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách này.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh được nhà nước hỗ trợ

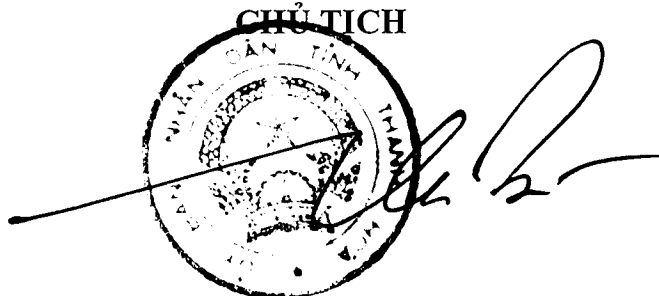
Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các ủy viên UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (A327).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng

DANH MỤC
Các cơ sở chế biến được hỗ trợ giải phóng mặt bằng
(Kèm theo Tổ trình số 18/ITr-UBND ngày 07/12/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Sản phẩm trồng trọt

Sản phẩm trồng trọt bao gồm sản phẩm sơ chế, chế biến từ nguyên liệu:

- Cây lương thực: lúa, ngô.
- Cây rau, đậu các loại.
- Cây ăn quả.
- Cây dược liệu.

2. Sản phẩm chăn nuôi

- Các sản phẩm sơ chế, chế biến từ vật nuôi gia súc, trứng và gia cầm.

3. Sản phẩm lâm nghiệp

- Sản phẩm gỗ được chế biến, lắp ráp bằng máy hoặc thủ công.
- Gỗ nhân tạo (MDF, ván sợi, ghép thanh).
- Sản phẩm chế biến từ tre, luồng, song, mây, quế.

4. Sản phẩm thủy sản

- Thủy sản đông lạnh.
- Đồ hộp thủy sản.
- Sản phẩm thủy sản ăn liền.



**NHỮU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH
THỰC HIỆN TẠI MỖI CẤP NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020**
(Kèm theo Thông tư 28/TTtr-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	2016		2017		2018		2019		2020		Tổng		
		ĐVT	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí
	Tổng cộng			103.650		137.840		154.470		175.275		206.562		777.797
1	Hỗ trợ xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao tại các xã miền núi	ha	600	7.200	700	8.660	700	8.940	800	10.440	800	10.450	3.600	45.690
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	km	12	2.400	14	2.800	14	2.800	16	3.200	16	3.200	72	14.400
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	km	15	3.000	20	4.000	20	4.000	25	5.000	25	5.000	105	21.000
-	Mua máy cấy lúa	cái	20	600	22	660	23	700	27	800	27	810	119	3.570
-	Mua máy thu hoạch lúa	cái	10	1.200	10	1.200	12	1.440	12	1.440	12	1.440	56	6.720
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung			19.760		24.260		24.260		24.260		24.260		116.800
-	Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh			16.440		20.620		20.620		20.620		20.620		98.920
+	Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng		80	14.500	100	18.200	100	18.200	100	18.200	100	18.200	480	87.300
+	Kinh phí thuê chứng nhận VietGAP	ha	80	560	100	700	100	700	100	700	100	700	480	3.360
+	Kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem	ha	80	1.380	100	1.720	100	1.720	100	1.720	100	1.720	480	8.260
-	Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư, xây dựng nhà lưới	ha	6	3.000	6	3.000	6	3.000	6	3.000	6	3.000	38	15.000
-	Tiêu thụ sản phẩm rau an toàn			320		640		640		640		640		2.880
+	Cửa hàng kinh doanh tại thị xã, thành phố	CH	8	200	8	400	8	400	8	400	8	400	40	1.800
+	Cửa hàng kinh doanh tại thị trấn và các xã còn lại	CH	8	120	8	240	8	240	8	240	8	240	40	1.080
3	Hỗ trợ mua máy thu hoạch và hệ thống tưới mía mặt ruộng			8.500		12.750		18.500		22.500		28.000		90.250
-	Mua máy thu hoạch mía	cái	4	4.000	6	6.000	8	8.000	9	9.000	10	10.000	37	37.000
-	Hỗ trợ tưới mía	ha	300	4.500	450	6.750	700	10.500	900	13.500	1.200	18.000	3.550	53.250
4	Hỗ trợ phát triển vùng luống thâm canh			19.380		19.860		18.500		15.585		12.472		85.797
-	Hỗ trợ thâm canh rừng luống		3.120	12.480	3.240	12.960	2.900	11.600	2.430	9.720	2.060	8.240	13.750	55.000
+	Bá thuốc	ha	300	1.200	320	1.280	300	1.200	300	1.200	140	560	1.360	5.440
+	Cắm Thủy	ha	100	400	100	400	80	320	80	320	70	280	430	1.720

TT	Nội dung	ĐVT	2016		2017		2018		2019		2020		Tổng	
			Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí
+	Lang Chánh	ha	750	3.000	800	3.200	800	3.200	550	2.200	460	1.840	3.360	13.440
+	Ngọc Lạc	ha	340	1.360	350	1.400	300	1.200	250	1.000	180	720	1.420	5.680
+	Quan Hóa	ha	1.200	4.800	1.200	4.800	1.100	4.400	1.000	4.000	1.000	4.000	5.500	22.000
+	Quan Sơn	ha	250	1.000	270	1.080	180	720	150	600	130	520	980	3.920
+	Thường Xuân	ha	180	720	200	800	140	560	100	400	80	320	700	2.800
-	Hỗ trợ nâng cấp đường lâm nghiệp		30	6.900	30	6.900	30	6.900	26	5.865	18	4.232	134	30.797
+	Bá Thước	km	3,0	690	3,0	690	2,5	575	2,0	460	0,0	0	10,5	2.415
+	Cẩm Thủy	km	1,3	299		0		0		0	0,0	0	1,3	299
+	Lang Chánh	km	9,2	2.116	9,0	2.070	10,0	2.300	10,0	2.300	6,9	1.587	45,1	10.373
+	Ngọc Lạc	km	2,5	575	3,0	690	2,0	460		0	2,1	483	9,6	2.208
+	Quan Hóa	km	10,0	2.300	10,0	2.300	10,0	2.300	10,0	2.300	9,4	2.162	49,4	11.362
+	Quan Sơn	km	2,0	460	3,0	690	3,0	690	3,5	805	0,0	0	11,5	2.645
+	Thường Xuân	km	2,0	460	2,0	460	2,5	575		0	0,0	0	6,5	1.495
5	Hỗ trợ sản xuất tập trung quy mô lớn			26.460		42.510		50.370		64.740		93.480		277.560
5.1	Hỗ trợ kinh phí thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân	dự án	8	2.460	9	6.510	9	14.370	9	28.740	9	57.480	44	109.560
-	Lúa	dự án	2	600	2	1.500	2	3.300	2	6.600	2	13.200	10	25.200
-	Ngô	dự án	2	600	2	1.500	2	3.300	2	6.600	2	13.200	10	25.200
-	Mía	dự án	1	300	2	1.200	2	2.700	2	5.400	2	10.800	9	20.400
-	Cây ăn quả	dự án	1	60	1	510	1	1.170	1	2.340	1	4.680	5	8.760
-	Cá rô phi	dự án	1	450	1	900	1	1.950	1	3.900	1	7.800	5	15.000
-	Tôm chân trắng	dự án	1	450	1	900	1	1.950	1	3.900	1	7.800	5	15.000
5.2	Hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn	Khu TT	8	24.000	12	36.000	12	36.000	12	36.000	12	36.000	56	168.000
6	Hỗ trợ liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm			15.150		20.200		21.900		23.350		23.500		104.100
6.1	Hỗ trợ sản xuất			10.500		14.500		15.300		16.000		16.000		72.300
	Nhóm cây hỗ trợ 5 triệu đồng/ha		500	2.500	600	4.000	700	3.500	800	4.000	800	4.000	3.400	18.000
	Nhóm cây hỗ trợ 3 triệu đồng/ha		2.000	6.000	2.500	7.500	3.000	9.000	3.000	9.000	3.000	9.000	13.500	40.500
	Nhóm cây hỗ trợ 2 triệu đồng/ha		1.000	2.000	1.200	3.000	1.400	2.800	1.500	3.000	1.500	3.000	6.600	13.800
6.2	Hỗ trợ sơ chế, bảo quản, tìm kiếm thị trường tiêu thụ		3.100	4.650	3.800	5.700	4.400	6.600	4.900	7.350	5.000	7.500	21.200	31.800
7	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các doanh nghiệp	dự án	3	7.200	4	9.600	5	12.000	6	14.400	6	14.400	24	57.600

Số: /2015/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng 12 năm 2015

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện
tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Sau khi xem xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày /12/2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá Về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, giai đoạn 2016-2020 với các nội dung sau:

1. Hỗ trợ xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao tại các xã miền núi

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

- Các xã thuộc huyện miền núi và các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng có diện tích đất 2 vụ lúa tập trung từ 50 ha trở lên.

- Có quy hoạch sản xuất ổn định, không nằm trong quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, đô thị.

- Có năng suất lúa bình quân 3 năm gần nhất đạt từ 55 tạ/ha ở vụ Xuân và 50 tạ/ha ở vụ Mùa trở lên.

- Là những địa phương có truyền thống, tích cực chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp; nông dân có trình độ thâm canh khá; cấp uỷ, chính quyền có kinh nghiệm và có quyết tâm trong chỉ đạo điều hành sản xuất lúa.

- Có đăng ký xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương nội đồng:

+ Tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đối với kênh mương được hỗ trợ:

Có năng lực tưới từ 20 ha trở lên.

Mặt cắt thiết kế chữ nhật có $b = 0,35 \div 0,6$ m, $h = 0,4 \div 0,6$ m.

Kết cấu: Đáy bê tông, 2 thành bên xây gạch trát vữa xi măng 2 mặt hoặc đổ bê tông.

+ Mức hỗ trợ: 200 triệu đồng/km.

Khi giá vật liệu (gạch, xi măng, đá, cát) tăng, giảm trên 20%; giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành liên quan báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh mức hỗ trợ cho phù hợp.

- *Hỗ trợ kiên cố hóa giao thông nội đồng:*

+ Tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đối với đường giao thông nội đồng được hỗ trợ:

Chiều rộng nền đường 3 - 5 m.

Chiều rộng mặt đường 2,5 - 3,0 m.

Kết cấu mặt đường: Đổ bê tông mác 200, dày 0,15 m.

+ Mức hỗ trợ: Cứ 01 ha vùng thâm canh lúa được hỗ trợ kinh phí để kiên cố hoá 0,02 km đường giao thông nội đồng; cứ 01 km đường giao thông nội đồng kiên cố hoá, mức hỗ trợ 200 triệu đồng.

Khi giá vật liệu (gạch, xi măng, đá, cát) tăng, giảm trên 20%; giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành liên quan báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh mức hỗ trợ cho phù hợp.

- *Hỗ trợ mua máy cấy:*

+ Nội dung hỗ trợ: Quy mô sản xuất cứ 25 ha được hỗ trợ một phần kinh phí mua 01 máy cấy có công suất tối thiểu 0,2 ha/giờ; chủ sở hữu máy có trách nhiệm ký cam kết với UBND xã về thời gian phục vụ trên địa bàn xã tối thiểu là 05 năm, sau đó nếu có nhu cầu mới được chuyển nhượng ra khỏi địa bàn xã. Nếu không thực hiện cam kết nói trên, chủ sở hữu máy phải bồi hoàn lại toàn bộ kinh phí Nhà nước đã hỗ trợ.

+ Mức hỗ trợ: Bằng 30% giá mua máy ghi trên hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (bao gồm cả thuế VAT), nhưng tối đa không quá 120 triệu đồng/máy.

- Hỗ trợ mua máy thu hoạch lúa:

+ Nội dung hỗ trợ: Quy mô sản xuất cứ 40 ha được hỗ trợ một phần kinh phí mua 01 máy thu hoạch có công suất từ 0,3 ha/giờ trở lên; chủ sở hữu máy có trách nhiệm ký cam kết với UBND xã về thời gian phục vụ trên địa bàn xã tối thiểu là 05 năm, sau đó nếu có nhu cầu mới được chuyển nhượng ra khỏi địa bàn xã. Nếu không thực hiện cam kết nói trên, chủ sở hữu máy phải bồi hoàn lại toàn bộ kinh phí Nhà nước đã hỗ trợ.

+ Mức hỗ trợ: Bằng 20% giá mua máy ghi trên hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (bao gồm cả thuế VAT), nhưng không quá 150 triệu đồng/máy.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung

2.1. Đối với sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh:

a) *Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:*

- Đối tượng hỗ trợ: Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân sản xuất rau an toàn quy mô từ 3 ha tập trung trở lên đối với vùng đồng bằng, ven biển hoặc 2 ha tập trung trở lên đối với vùng miền núi, nằm trong quy hoạch sản xuất rau an toàn tập trung của tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Có dự án đầu tư phát triển rau an toàn và cam kết tiến độ triển khai dự án được UBND huyện, thị xã, thành phố chấp thuận.

+ Hạ tầng đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất rau an toàn.

+ Đã được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

+ Có hợp đồng hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất.

+ Có hợp đồng kiểm soát chất lượng với Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa hoặc đơn vị khác có đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước.

+ Đã tổ chức sản xuất rau an toàn sau 2 vụ và không vi phạm các quy định về chất lượng rau.

b) *Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ:*

- Hỗ trợ một lần:

+ Kinh phí xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện, xử lý chất thải) của vùng sản xuất tập trung; nhà sơ chế, đóng gói sản phẩm rau an toàn để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP. Mức hỗ trợ 170 triệu đồng/ha đối với vùng đồng bằng, ven biển; 200 triệu đồng/ha đối với vùng miền núi.

+ Kinh phí thuê chứng nhận VietGAP cho rau an toàn: 7 triệu đồng/ha.

+ Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đã được chứng nhận VietGAP.

- Hỗ trợ hàng năm:

+ Kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem. Mức hỗ trợ: 16 triệu đồng/ha/năm đối với vùng đồng bằng, ven biển; 18 triệu đồng/ha/năm đối với vùng miền núi.

+ Thời điểm hỗ trợ: Vào tháng 12 hàng năm.

2.2. Đối với sản xuất rau an toàn trong nhà lưới:

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

- Đối tượng hỗ trợ: Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân đầu tư nhà lưới sản xuất rau an toàn; quy mô nhà lưới từ 1.000 m² trở lên (tối thiểu phải sử dụng: cột bê tông cốt thép có kích thước 0,15m x 0,15m x 3,2m làm móng cột; che mưa, che nắng và vây xung quanh bằng lưới mùn 16 lỗ/cm²; giăng dọc mái bằng thép 4 ly; giăng ngang mái bằng thép 2 ly); nằm trong quy hoạch sản xuất rau an toàn tập trung của tỉnh (cả trong và ngoài vùng tập trung chuyên canh).

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Có dự án đầu tư phát triển rau an toàn và cam kết tiến độ triển khai dự án được UBND huyện, thị xã, thành phố chấp thuận.

+ Có trang bị hệ thống tưới (gồm: máy bơm, dây dẫn, vòi phun...) và hệ thống điện phục vụ sản xuất trong nhà lưới.

+ Đã được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

+ Có hợp đồng hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất.

+ Có hợp đồng kiểm soát chất lượng với Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa hoặc đơn vị khác có đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước.

+ Đã tổ chức sản xuất rau an toàn sau 2 vụ và không vi phạm các quy định về chất lượng rau.

b) Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư, xây dựng nhà lưới phục vụ sản xuất rau an toàn.

- Mức hỗ trợ: 50.000 đồng/m².

- Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đã sản xuất 2 vụ và được chứng nhận VietGAP.

2.3. Đối với tiêu thụ sản phẩm rau an toàn:

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

- Đối tượng hỗ trợ: Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, tiêu thụ rau an toàn tại cửa hàng với diện tích tối thiểu 20 m²/cửa hàng, kinh doanh rau an toàn thường xuyên.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Tự sản xuất rau an toàn hoặc có hợp đồng thu mua sản phẩm rau an toàn ổn định với cơ sở sản xuất rau an toàn trong thời gian từ 2 năm trở lên.

+ Có hợp đồng thuê cửa hàng, quầy hàng ổn định từ 2 năm trở lên hoặc có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cửa hàng.

+ Có sản lượng tiêu thụ rau an toàn bình quân đạt 50 kg/ngày trở lên.

+ Có đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn cửa hàng, quầy hàng kinh doanh rau an toàn theo đúng quy định.

b) Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh rau an toàn với diện tích tối thiểu 20m²/cửa hàng.

- Mức hỗ trợ:

+ Đối với các cửa hàng kinh doanh rau an toàn đặt tại các phường thuộc thị xã, thành phố: 50 triệu đồng/cửa hàng chia làm 2 lần, năm thứ nhất hỗ trợ 25 triệu đồng, năm thứ hai hỗ trợ 25 triệu đồng.

+ Đối với các cửa hàng kinh doanh rau an toàn đặt tại các xã, thị trấn còn lại: 30 triệu đồng/cửa hàng chia làm 2 lần, năm thứ nhất hỗ trợ 15 triệu đồng, năm thứ hai hỗ trợ 15 triệu đồng.

- Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đầu tư xong cửa hàng, quầy hàng kinh doanh và đi vào kinh doanh rau an toàn ổn định tối thiểu 3 tháng đối với năm đầu tiên và 12 tháng đối với năm thứ 2.

3. Hỗ trợ mua máy thu hoạch mía và hệ thống tưới mía mặt ruộng

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân sản xuất mía thâm canh, phục vụ nguyên liệu cho các nhà máy mía đường trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Diện tích sản xuất mía tập trung từ 50 ha trở lên, nằm trong vùng quy hoạch mía nguyên liệu được UBND tỉnh phê duyệt.

- Năng suất mía 2 năm liên kế trước đó phải đạt ít nhất từ 65 tấn/ha/năm trở lên, chữ đường đạt từ 10 CCS trở lên.

- Vùng sản xuất phải chủ động nước tưới và nguồn giống đảm bảo tiêu chuẩn.

- Có đăng ký sản xuất mía đạt năng suất từ 100 tấn/ha/năm trở lên, kèm theo Phương án hoặc dự án đầu tư; cam kết đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm, mua máy thu hoạch mía.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí mua máy thu hoạch mía:

+ Nội dung hỗ trợ: Quy mô sản xuất cứ 50 ha được hỗ trợ một phần kinh phí mua 01 máy thu hoạch (máy mới) có công suất thu hoạch 120 tấn/ngày trở lên; chủ sở hữu máy có trách nhiệm ký cam kết với UBND huyện về thời gian

phục vụ trên địa bàn huyện tối thiểu là 05 năm, sau đó nếu có nhu cầu mới được chuyển nhượng ra khỏi địa bàn huyện. Nếu không thực hiện cam kết nói trên, chủ sở hữu máy phải bồi hoàn lại toàn bộ kinh phí Nhà nước đã hỗ trợ.

+ Mức hỗ trợ: Bằng 20% giá mua máy ghi trên hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (bao gồm cả thuế VAT), nhưng không quá 1.500 triệu đồng/máy.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống tưới mía mặt ruộng:

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần kinh phí xây dựng các bể đựng nước (để bơm chuyên từ nguồn nước đầu ruộng vào các lô mía) để tưới trên mặt ruộng; mua dây, khóa, van lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt trên mặt ruộng; mua máy bơm phục vụ tưới mía. Hỗ trợ sau khi xây dựng hệ thống tưới theo đúng phương án hoặc dự án đã được UBND huyện chấp thuận và được cấp có thẩm quyền nghiệm thu.

+ Mức hỗ trợ: 15 triệu đồng/ha.

4. Hỗ trợ phát triển vùng luồng thâm canh

a) *Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:*

Các xã thuộc quy hoạch vùng luồng thâm canh tập trung của tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 23/02/2012.

- Hỗ trợ chủ rừng luồng: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân tham gia thâm canh rừng luồng.

- Hỗ trợ làm đường: Các xã trong vùng luồng thâm canh có diện tích từ 200 ha trở lên.

b) *Nội dung và mức hỗ trợ:*

- Hỗ trợ thâm canh rừng luồng:

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ phân bón vào năm thứ nhất và năm thứ hai thực hiện thâm canh rừng luồng.

+ Mức hỗ trợ: 2 triệu đồng/ha/năm.

- Hỗ trợ các xã nâng cấp đường lâm nghiệp:

+ Nội dung hỗ trợ: Cứ 200 ha rừng luồng được hỗ trợ 01 km đường lâm nghiệp cấp IV theo tiêu chuẩn TCVN 7025: 2002, nền đường rộng 4,5 m. Ngân sách tỉnh không hỗ trợ kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, kinh phí kiểm tra, giám sát cộng đồng và kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng.

+ Mức hỗ trợ: 230 triệu đồng/km.

5. Hỗ trợ sản xuất tập trung quy mô lớn

5.1. Hỗ trợ kinh phí thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân:

a) *Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:*

Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân có dự án đầu tư thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh để sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn khi dự án có đủ các điều kiện sau:

- Dự án được UBND tỉnh hoặc UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư.
- Dự án cam kết đầu tư sản xuất tối thiểu 5 năm; có trụ sở hoặc chi nhánh được cấp giấy phép đăng ký sản xuất kinh doanh tại Thanh Hóa. Nếu dự án hoạt động dưới 5 năm sẽ bị thu hồi toàn bộ vốn đã hỗ trợ.
- Trong cùng một thời gian, nếu tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.
- Nhà đầu tư phải có hợp đồng thuê đất với hộ gia đình, cá nhân có xác nhận của UBND xã. Diện tích đất, mặt nước được hỗ trợ kinh phí thuê là số diện tích thực tế được đưa vào sản xuất, không bao gồm diện tích mà các cá nhân đã góp quyền sử dụng đất với các tổ chức.

- Các dự án phải đạt quy mô tập trung tối thiểu về diện tích như sau:
 - + Sản xuất lúa, ngô, mía (giống sản xuất phải nằm trong cơ cấu giống của tỉnh): 100 ha canh tác.
 - + Sản xuất ngô dày, cỏ làm thức ăn gia súc: 50 ha canh tác.
 - + Sản xuất lúa đặc sản: 30 ha canh tác.
 - + Cây ăn quả (cam, bưởi): 20 ha.
 - + Tôm he chân trắng thâm canh: 10 ha.
 - + Cá rô phi thâm canh gắn với chế biến xuất khẩu: 10 ha.
- Các sản phẩm phải được sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc các tiêu chuẩn khác tương đương.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thuê đất hoặc thuê mặt nước 5 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ kinh phí thuê đất 3 triệu đồng/ha/năm để sản xuất: Lúa, lúa đặc sản, ngô, mía, ngô dày và cỏ làm thức ăn gia súc và cây ăn quả (cam, bưởi).
- Hỗ trợ kinh phí thuê mặt nước 4 triệu đồng/ha/năm để nuôi cá rô phi thâm canh gắn với chế biến xuất khẩu.
- Hỗ trợ kinh phí thuê mặt nước 6 triệu đồng/ha/năm để nuôi tôm he chân trắng thâm canh.

5.2. Hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ UBND xã (Chủ đầu tư) xây dựng hạ tầng đến chân hàng rào khu trang trại chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã đã được quy hoạch trong quy hoạch xã nông thôn mới; đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Mỗi khu đã có ít nhất từ 04 trang trại chăn nuôi quy mô lớn trở lên.
- Số lượng đàn gia súc, gia cầm của mỗi trang trại phải cam kết thường xuyên đảm bảo quy mô, đối tượng nuôi như sau:
 - + Trang trại bò: 300 con trở lên.
 - + Trang trại lợn ngoại hướng nạc: 200 lợn nái ngoại sinh sản trở lên hoặc 100 lợn nái ngoại sinh sản và 500 lợn ngoại nuôi thịt trở lên.
 - + Trang trại gà lông màu: 20.000 gà lông màu nuôi thịt trở lên hoặc 10.000 gà lông màu nuôi sinh sản trở lên hoặc 10.000 gà lông màu nuôi thịt và 5.000 gà lông màu sinh sản trở lên.
- Các trang trại chăn nuôi an toàn theo tiêu chuẩn VietGAHP.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ UBND xã xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào, gồm: đường giao thông, đường điện, hệ thống cấp nước đến chân hàng rào cho khu trang trại chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã.
- Mức hỗ trợ: 100% kinh phí xây dựng, nhưng không quá 3.000 triệu đồng/khu đối với miền xuôi và 3.500 triệu đồng/khu đối với miền núi.

6. Hỗ trợ liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm trồng trọt

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với hộ gia đình, cá nhân để sản xuất và bao tiêu sản phẩm các cây trồng: Khoai tây, ngô ngọt, ngô bao tử, dưa bao tử, dưa xuất khẩu, ớt xuất khẩu, cà chua, hành, tỏi, rau màu, ngô dày và cỏ các loại làm thức ăn chăn nuôi bò sữa, bò thịt trên đất hai lúa và lúa màu đảm bảo các điều kiện sau:

- Quy mô sản xuất:
 - + Các loại cây ngô ngọt, ngô bao tử, dưa bao tử, dưa xuất khẩu, ớt xuất khẩu: 10 ha liền vùng, liền thửa trở lên.
 - + Các loại cây cà chua, bí xanh, khoai tây, hành, tỏi, rau màu, ngô dày và cỏ các loại làm thức ăn chăn nuôi bò sữa, bò thịt: 05 ha liền vùng, liền thửa trở lên.
- Hình thức tổ chức sản xuất: Phải có hợp đồng liên kết sản xuất hoặc hợp đồng bao tiêu sản phẩm giữa hộ gia đình, cá nhân với hợp tác xã hoặc doanh nghiệp.
- Không hỗ trợ đối với diện tích đã hưởng chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn và chính sách phát triển sản xuất rau an toàn quy định tại Khoản 2, Khoản 5, Điều 1 của Nghị quyết này.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- *Hỗ trợ cơ sở sản xuất:*

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí mua giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

+ Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ sản xuất khoai tây, cà chua, bí xanh, hành, tỏi, rau màu: 5 triệu đồng/ha canh tác/năm.

Hỗ trợ sản xuất ngô ngọt, ngô bao tử, dưa bao tử, dưa xuất khẩu, ớt xuất khẩu: 3 triệu đồng/ha canh tác/năm.

Hỗ trợ sản xuất ngô dày và cỏ các loại làm thức ăn chăn nuôi bò sữa, bò thịt: 2 triệu đồng/ha canh tác/năm.

b) *Hỗ trợ tổ chức, cá nhân làm đầu mối bảo quản, sơ chế, tiêu thụ:* Hỗ trợ 1,5 triệu đồng/ha canh tác/năm cho hợp tác xã, doanh nghiệp sơ chế, bảo quản nông sản, tìm kiếm kiếm thị trường tiêu thụ.

7. Hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các doanh nghiệp

a) *Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:*

Doanh nghiệp có dự án đầu tư các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản; các cơ sở giết mổ tập trung; các cơ sở sản xuất giống tôm he chân trắng, cá rô phi đơn tính trên địa bàn tỉnh được bàn giao mặt bằng sạch để xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị, nhà kho, hệ thống bể (đối với cơ sở sản xuất giống tôm he chân trắng, cá rô phi đơn tính)..., đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Dự án được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư. Mặt bằng phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Dự án chế biến nông, lâm, thủy sản (nằm trong danh mục các sản phẩm chế biến kèm theo), có quy mô vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên, phải sử dụng tối thiểu 30% số lao động tại địa phương.

- Đối với cơ sở sản xuất giống tôm chân trắng có công suất từ 200 triệu P12/năm trở lên, đồng thời đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 02-15: 2009/BNNPTNT: Cơ sở sản xuất giống thủy sản - điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường.

- Đối với cơ sở sản xuất giống cá rô phi đơn tính có công suất từ 10 triệu con/năm trở lên (cá sau xử lý 21 ngày tuổi), đồng thời đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 02-15: 2009/BNNPTNT: Cơ sở sản xuất giống thủy sản - điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường.

- Đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm có công suất giết mổ một ngày đêm tối thiểu 150 con gia súc hoặc 1.500 con gia cầm hoặc 75 con gia súc và 750 con gia cầm, đồng thời đảm bảo yêu cầu về vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường.

b) *Nội dung hỗ trợ:* UBND tỉnh bố trí 100% kinh phí để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng sạch cho các doanh nghiệp để xây dựng cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản; các cơ sở giết mổ tập trung và các

cơ sở sản xuất giống tôm he chân trắng, cá rô phi đơn tính trên địa bàn tỉnh (không hỗ trợ diện tích giải phóng mặt bằng ao ương, nhân giống).

8. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế phân bổ hàng năm của ngân sách tỉnh.

9. Thời gian thực hiện: 5 năm, tính từ 01/01/2016 đến 31/12/2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, quy định cụ thể và tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày tháng 12 năm 2015./.

Nơi nhận:

- Văn phòng: QH, CTN, CP;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến